

Bản án số 09/2022/HC-PT
Ngày 10-01-2022
V/v: khiếu kiện quyết
định hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tất Nam;
Các Thẩm phán: ông Hồ Sỹ Hưng;
ông Nguyễn Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: bà Vũ Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: bà Phan Diệu Nhân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 577/2020/TLPT-HC ngày 13 tháng 11 năm 2020 về khiếu kiện quyết định hành chính, do có kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đối với Bản án số 02/2020/HC-ST ngày 07-8-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh P.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11518/2021/QĐPT-HC ngày 15-12-2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Nguyễn Văn N sinh năm 1942 và bà Kiều Thị G sinh năm 1950; đều trú tại: khu 13, xã PN, huyện PN, tỉnh P. Bà Kiều Thị G có mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền: chị Lã Thị Huyền T1 sinh năm 1990; trú tại: đường HV, phường GC, thành phố VT, tỉnh P; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Đỗ Thanh Ư - Công ty luật TNHH AM, Đoàn Luật sư tỉnh P, có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện PN, tỉnh P.

Người đại diện hợp pháp: ông Đào Ngọc T2 - Phó Chủ tịch (theo ủy quyền), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
+ Ủy ban nhân dân xã PN, huyện PN, tỉnh P.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Trung K, cán bộ địa chính; có mặt.
+ Chị Nguyễn Thị M sinh năm 1981;

+ Anh Lê Tiến D sinh năm 1978 và chị Nguyễn Thị H sinh năm 1988.

Đều trú tại khu 12, xã PN, huyện PN, tỉnh P.

Người đại diện theo ủy quyền của chị M, anh D: chị Nguyễn Thị H sinh năm 1979; trú tại: khu 9, xã PN, huyện PN, tỉnh P; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Mạnh U và chị Nguyễn Thị L; trú tại khu 13, xã PN, huyện PN, tỉnh P. Người đại diện theo ủy quyền của anh U, chị L là chị Lã Thị Huyền T1; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện và người đại diện trình bày: năm 2004, ông N và bà G có nhận chuyển nhượng hai thửa đất tổng diện tích khoảng 808 m² của các gia đình sau:

- Nhận chuyển nhượng thửa đất diện tích khoảng 738 m² tại khu NK, xã PN, huyện PN, tỉnh P thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Xuân A và bà Nguyễn Thị B.

- Nhận chuyển nhượng một phần thửa đất số 65, tờ bản đồ số 47 với diện tích khoảng 70 m² tại khu NK, xã PN, huyện PN, tỉnh P thuộc quyền sử dụng của gia đình ông Nguyễn Ngọc C.

Sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình bà G sử dụng ổn định từ đó đến năm 2011 thì Ủy ban nhân dân (UBND) huyện PN thu hồi một phần diện tích đất, nhận bồi thường số tiền 9.000.000 đồng, đồng thời cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho gia đình hai người con của bà G là anh Nguyễn Mạnh U theo số phát hành GCNQSDĐ CD 865516 (thửa đất số 527, tờ bản đồ số 22) và Nguyễn Tiến S theo số phát hành GCNQSDĐ BI 524054 (thửa đất số 188, tờ bản đồ số 47).

Cuối năm 2015, gia đình anh U làm nhà trên phần diện tích đất này và các hộ giáp ranh không có ý kiến gì. Đến tháng 4 năm 2016 thì gia đình anh U mới thấy gia đình anh Lê Tiến D và gia đình anh Nguyễn Văn E có ý kiến tranh chấp. Khi đó, anh U mới biết một phần diện tích đất gia đình anh sử dụng từ năm 2004 đến nay đã được cấp cho anh D và anh E.

Gia đình bà G không hề biết việc đã bị thu hồi toàn bộ diện tích 808,5 m² tại khu NK, xã PN bởi:

- Khi thực hiện việc thu hồi đất, UBND huyện PN và UBND xã PN đã không thực hiện theo đúng quy định tại các điều 29, 30 và 31 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP; Điều 29 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT. Cụ thể:

+ Không lấy ý kiến của những người bị thu hồi đất về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

+ Không gửi quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho người có đất bị thu hồi;

+ Không có thủ tục người bị thu hồi đất bàn giao đất cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

- Năm 2011, gia đình bà G được nhận tiền bồi thường là 9.000.000 đồng, từ đó đến nay không được nhận thêm bất kỳ khoản tiền nào khác. Trong khi, tại Công văn số 432/UBND-TNMT do UBND huyện PN ban hành ngày 17-4-2018 có thể hiện tổng số tiền gia đình bà G được nhận bồi thường nếu bị thu hồi toàn bộ 808,5 m² là 48.627.233 đồng.

- Hiện nay gia đình ông Nguyễn Ngọc E - là người đã chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất cho gia đình bà G vẫn đang giữ GCNQSDĐ cũ, không có đăng ký biến động hay chỉnh lý đối với thửa đất số 65, tờ bản đồ số 47 tại khu 13, xã PN, huyện PN, tỉnh P.

- Tại biên bản làm việc ngày 07-6-2018 tại trụ sở UBND xã PN về việc giải quyết một số vướng mắc quy hoạch khu vực NK, xã PN năm 2011 có thể hiện nội dung: yêu cầu hộ ông U và ông I có đơn đề nghị UBND xã quy hoạch thửa đất màu tại khu NK để làm cơ sở để UBND xã đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét.

- Khi tiến hành giao đất cho gia đình ông U năm 2011 theo quy hoạch, không có biên bản bàn giao mốc giới.

Từ các căn cứ trên, có thể khẳng định, gia đình bà PH không biết việc UBND huyện PN đã thu hồi toàn bộ diện tích đất 808,5 m² để cấp một phần cho ông Lê Tiến D và ông Nguyễn Văn O; gia đình bà G và các con đã sử dụng diện tích đất ổn định, không tranh chấp từ năm 2004 đến tháng 4/2016. Việc thu hồi, bồi thường, giải phóng mặt bằng và giao đất tại khu NK, xã PN, huyện PN, tỉnh P thực hiện không đúng theo quy định của pháp luật. Do không nhận được thông báo thu hồi, quyết định bồi thường, không bàn giao mặt bằng, mốc giới nên gia đình bà hiểu rằng số tiền bà nhận bồi thường là để bồi thường cho việc thu hồi một phần diện tích đất thuộc quyền sử dụng của gia đình bà, sau đó ông U và ông S được giao đất ở đúng vị trí đất bị thu hồi và phải nộp tiền sử dụng đất tương ứng với phần diện tích đất được cấp giấy chứng nhận.

Để đảm bảo quyền và lợi ích của gia đình bà, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Kiều Thị G tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai gia đình ông Nguyễn Văn O và ông Lê Tiến D đối với phần diện tích đất được cấp năm 2011 nằm trong phần diện tích đất 808,5 m² thuộc quyền sử dụng của gia đình bà G, đồng thời cấp GCNQSDĐ cho gia đình bà PH đối với phần diện tích đất đó.

Người bị kiện trình UBND huyện PN trình bày:

+ Về nguồn gốc của các thửa đất UBND huyện PN cấp cho ông Nguyễn Văn O và ông Lê Tiến D: xét đề nghị của UBND xã PN được Phòng Tài nguyên và môi trường thẩm định trình duyệt, UBND huyện PN ban hành quyết định số

313/QĐ-UBND về việc thu hồi và duyệt quy hoạch giao đất làm nhà ở tự xây cho 54 hộ dân thuộc xã PN trong đó có vị trí quy hoạch cấp đất xen ghép tại khu vực NK, khu 13, xã PN. Tại vị trí NK có tổng diện tích quy hoạch là 1226 m² trong đó quy hoạch vào các mục đích: + Đất giao thông là 376m²; đất ở nông thôn là 850 m² gồm các ô số cụ thể.

Căn cứ quyết định trên, UBND huyện ban hành Thông báo chủ trương thu hồi đất và ban hành quyết định về việc thành lập Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư và tổ công tác kiểm đếm để thực hiện việc kiểm đếm bồi thường theo quy định của pháp luật.

Căn cứ các văn bản trên và quy định của pháp luật, Tổ công tác kiểm đếm đã tiến hành kiểm kê diện tích đất đai, hoa màu trên đất của các hộ, lập pH án bồi thường cho các hộ theo quy định. Sau khi được UBND huyện phê duyệt thu hồi đất và kinh phí bồi thường, Phòng tài nguyên và môi trường đã bàn giao hồ sơ bồi thường cho UBND xã PN để tiến hành chi trả cho nhân dân, hồ sơ gồm có: Biên bản kiểm kê, dự toán bồi thường, tờ trình, quyết định thu hồi đất, tờ trình, quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường.

Căn cứ phương án bồi thường, hỗ trợ đã được UBND huyện phê duyệt, UBND xã PN đã tiến hành chi trả kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho các hộ.

Xét đề nghị của UBND xã PN về việc giao đất làm nhà ở cho các hộ dân xã PN được phòng Tài nguyên và môi trường thẩm định, UBND huyện quyết định giao đất cho các hộ, trong đó tại địa danh NK gồm có các hộ:

Ô số 1 - Nguyễn Văn X, địa chỉ khu 14, xã PN. Ô số 2 - Hoàng Huy Y, địa chỉ khu 14, xã PN.

Ô số 3 - Nguyễn Văn O, địa chỉ khu 12, xã PN. Ô số 4 - Lê Tiến D, địa chỉ khu 12, xã PN.

Ô số 5 - Nguyễn Mạnh U, địa chỉ khu 13, xã PN (con bà G). Ô số 6 - Nguyễn Tiến S, địa chỉ khu 13, xã PN (con bà G).

Anh Nguyễn Văn O được cấp GCNQSDĐ số BI 524051, thửa 185, bản đồ 47. Anh Lê Tiến D được cấp GCNQSDĐ số BI 524052, thửa 186, bản đồ 47.

Anh Nguyễn Mạnh U, cấp GCNQSDĐ số BI 524053, thửa 187, bản đồ 47 (đều được cấp vào ngày 30-12-2011). Ngày 15-4-2012, UBND xã PN đã giao đất tại thực địa. Riêng anh U được cấp lại lần 2 ngày 27-7-2016.

Kết quả kiểm tra tại thực địa: hộ anh Nguyễn Mạnh U đã xây dựng nhà ở kiên cố trên 02 ô đất gồm ô số 05 và 04. Ngoài ra hộ anh U đã xây quán bán hàng trên diện tích ô số 03 được UBND huyện PN giao cho anh Nguyễn Văn O, các hộ được giao ô số 01, 02, 03, 04 chưa xây nhà.

UBND huyện PN cấp GCNQSDĐ cho anh Nguyễn Văn O số BI 524051 thửa số 185, tờ bản đồ số 47 và anh Lê Tiến D số BI 524052 thửa số 186, tờ bản đồ số 47 là đúng quy định pháp luật đất đai vì: diện tích cấp GCNQSDĐ cho anh D, anh O đã được UBND huyện PN thực hiện quy trình phê duyệt quy

hoạch, đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định. Bà Kiều Thị G là người bị thu hồi đất đã nhận tiền bồi thường, bàn giao mặt bằng mà không có khiếu nại gì từ thời điểm năm 2011 đến năm 2016. Anh D, anh O đủ điều kiện được giao đất làm nhà ở và đã thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định pháp luật do đó bà G đề nghị thu hồi, hủy bỏ quyết định giao đất, GCNQSDĐ nhà nước đã giao cho anh O, anh D là không đủ cơ sở.

Ngày 15-4-2012 công chức địa chính xã PN giao đất tại thực địa cho anh U, xong anh U có ý xây dựng nhà ở và quán bán hàng trên đất nhà nước giao cho anh O, anh D. Quá trình xây dựng công trình của anh D, anh O. Quá trình xây dựng công trình của anh U thì anh O, anh D đều biết và có đơn đề nghị UBND xã PN giải quyết; ngày 07-4-2016, UBND xã PN đã tổ chức buổi làm việc với các hộ và yêu cầu anh U đình chỉ việc xây dựng công trình tuy nhiên anh U không chấp hành là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật đất đai 2013. Đề nghị không thu hồi GCNQSDĐ của anh D, anh O.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

UBND xã PN trình bày: năm 2011, UBND huyện PN đã ban hành quyết định số 313/QĐ-UBND về việc thu hồi và duyệt quy hoạch giao đất làm nhà ở tự xây cho các hộ dân thuộc xã PN trong đó có vị trí quy hoạch cấp đất xen ghép tại khu vực NK, khu 13, xã PN.

Căn cứ quy hoạch trên, UBND xã PN đã phối hợp cùng Tổ công tác tiến hành kiểm đếm diện tích đất bị thu hồi đối với các hộ dân trong đó có gia đình bà Kiều Thị G.

Do là quy hoạch xen ghép nên quan điểm của UBND xã với các hộ dân là: ưu tiên xét duyệt giao đất ở đối với đối tượng đủ điều kiện cho các hộ dân bị thu hồi đất và không thu tiền hạ tầng. Tiền bồi thường chỉ tính tiền loại đất bị thu hồi và không tính các khoản hỗ trợ vì đất thu hồi xong lại ưu tiên giao cho các đối tượng là người thân của người bị thu hồi đất có đủ điều kiện được giao đất theo quy định của pháp luật.

Tại khu vực NK khi kiểm đếm diện tích đất thu hồi thì có 2 hộ đang sử dụng đất nông nghiệp bị thu hồi là hộ bà Kiều Thị G và hộ ông Nguyễn Ngọc R. Các hộ đã ký vào biên bản kiểm kê.

Sau khi kiểm kê thì UBND huyện PN đã phê duyệt kinh phí bồi thường và UBND xã PN đã chi trả tiền bồi thường cho các hộ.

Tại khu vực NK quy hoạch 06 ô đất ở (từ ô số 01 đến ô số 06).

Sau khi công khai quy hoạch thì gia đình bà PH gửi 04 đơn xin giao đất gồm các hộ: Nguyễn Văn X, Hoàng Huy Y, Nguyễn Mạnh U, Nguyễn Tiến S. Gia đình ông Nguyễn Ngọc R gửi 02 đơn xin giao đất gồm các hộ: Nguyễn Văn O, Nguyễn Tiến D.

+ Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại, thì đại diện UBND xã PN trình bày, do địa hình đất của các hộ không

bằng phẳng nên đã thông báo cho các hộ dân khi nào làm nhà ở thì san ủi mặt bằng, lúc đó địa phương mới giao cắm mốc giới thực địa cho các hộ.

Các hộ có tên trên đều có hộ khẩu thường trú tại xã PN, chưa có nhà và đất ở, chưa được nhà nước giao đất ở.

Việc xét duyệt giao đất ở: UBND xã PN có thành lập Hội đồng tư vấn xét duyệt đất ở cho các hộ có đơn, sau đó công khai trong thời gian 15 ngày và trình UBND huyện PN thẩm định, phê duyệt.

Việc lập quy hoạch, thu hồi đất và xét duyệt giao đất ở cho các đối tượng là theo đúng qui định của pháp luật.

Năm 2016 ông U có ý xây nhà ở và quán bán hàng lên phần đất của anh O và anh D, hai anh biết và có đơn yêu cầu giải quyết, ngày 07-4-2016, UBND xã PN làm việc, yêu cầu anh U đình chỉ xây dựng nhưng anh U không chấp hành là vi phạm khoản 1 Điều 12 Luật đất đai năm 2013.

Do đó UBND xã PN kiến nghị Tòa án nhân dân tỉnh P xem xét không thu hồi hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện PN đã cấp cho anh O và anh D tại khu vực NK, khu 13, xã PN, huyện PN.

Người đại diện theo ủy quyền của anh D, chị M trình bày: gia đình bố chị là ông Nguyễn Ngọc R có thửa đất màu tại NK thuộc khu 9, xã PN, huyện PN canh tác ôn định, khoảng năm 2010 gia đình chị được UBND xã PN thông báo UBND xã PN và UBND huyện PN có kế hoạch thu hồi một số diện tích đất canh tác tại khu 9, xã PN để cắm xen ghép cho các hộ gia đình có nhu cầu làm nhà ở, gia đình chị bị thu hồi hơn 400 m² vì chúng tôi đã lập gia đình nhưng chưa có đất ở nên gia đình anh O và gia đình anh D đã làm đơn gửi UBND xã PN xin cấp đất làm nhà ở. Sau đó, UBND xã họp bàn và xét duyệt thì chúng tôi có đủ điều kiện cấp đất và chúng tôi đã nộp tiền lệ phí đất. Năm 2012 chúng tôi được cấp giấy CNQSD đất nhưng trong thời gian đó do điều kiện kinh tế chúng tôi chưa có điều kiện để xây nhà thì năm 2016 anh Nguyễn Mạnh U và chị Nguyễn Thị L đã san hạ đồi và làm nhà. Khi anh U làm nhà thì chúng tôi đã phát hiện anh U xây nhà lấn sang cả 02 ô đất mà UBND huyện PN cấp cho chúng tôi. Khi đó gia đình chúng tôi đã báo cáo tới UBND xã PN yêu cầu đình chỉ việc xây dựng của anh U, UBND xã PN đã mời 03 gia đình lên làm việc bằng văn bản nhiều lần nhưng anh U vẫn tiếp tục xây dựng và UBND xã PN đã hướng dẫn chúng tôi lên Tòa án nhân dân PN để giải quyết tranh chấp. Sau đó Tòa án PN đã thụ lý vụ án, sau khi Tòa án thụ lý và thẩm định thì anh U đã thừa nhận việc anh U đã làm nhà vào 02 thửa đất của chúng tôi là sai và anh U thỏa thuận trả lại 02 thửa đất liền kề cho chúng tôi cụ thể là ô 01 diện tích 158 m² và ô số 02 diện tích 128 m², mọi chi phí anh U xin chịu hết nên gia đình chúng tôi đã rút đơn khởi kiện, Tòa án huyện PN đã đình chỉ vụ án. Nhưng từ đó đến nay anh U không thực hiện theo thỏa thuận. Tôi được biết UBND xã PN và UBND huyện PN đã quy hoạch và cắm cho 06 hộ dân trên cùng thửa đất đã thu hồi.

Về việc ông N, bà G khởi kiện UBND huyện PN đề nghị Tòa án hủy giấy CNQSD đất đã cấp cho chúng tôi quan điểm của tôi không đồng ý vì chúng tôi

đã được Nhà nước cấp đất theo diện Nhà nước có quy hoạch mà gia đình chúng tôi được ưu tiên vì có diện tích đất bị thu hồi và chúng tôi đã đóng tiền lệ phí đầy đủ.

Anh Nguyễn Mạnh U trình bày: bố mẹ anh là ông Nguyễn Văn N và bà Kiều Thị G có 808 m² đất tại NK thuộc khu 9, xã PN, huyện PN. Nguồn gốc thửa đất là do nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn A và ông Nguyễn Ngọc C đều trú tại khu 13, xã PN, huyện PN. Khoảng năm 2010 xét thấy đủ điều kiện anh và em trai anh là Nguyễn Tiến S đã làm đơn xin cấp đất tại vị trí đất trên. Đến tháng 2/2011 anh đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc nên toàn bộ việc nộp thuế cùng các khoản tiền khác đều do mẹ anh là bà G nộp thay. Trong thửa đất 808 m² này anh được UBND huyện PN phê duyệt và cấp cho 168 m² đất thổ cư, em trai anh là Nguyễn Tiến S được cấp cho 127 m², phần đất còn lại bố mẹ anh vẫn sử dụng để trồng cây hàng năm. Thời điểm cấp đất gia đình anh chỉ được nhận giấy CNQSD đất, không có biên bản bàn giao đất và không có mốc giới cụ thể. Cuối năm 2015 anh về nước và tiến hành xây nhà (01 quán) có chiều ngang 5 m, chiều sâu 12 m để vợ anh bán hàng. Trước khi xây dựng, anh cùng mẹ anh có liên hệ với ông Vũ Hồng Q cán bộ địa chính xã PN để nhờ đo mốc giới giữa thửa đất của nhà anh với thửa đất giáp danh nhưng ông Q không đến. Sau đó anh đã gọi ông Nguyễn Ngọc R, địa chỉ: khu 12, xã PN, huyện PN (ông R đã mất năm 2019) là bố của chị H, chị M là người có đất giáp danh với nhà anh để đến đo mốc giới. Tháng 2/2016 anh khởi công xây nhà, quá trình xây nhà không có tranh chấp với các hộ xung quanh, UBND xã PN cũng không có ý kiến gì. Đến tháng 4/2016 khi nhà anh đã đổ mái xong thì UBND xã PN mới có thông báo đình chỉ việc xây dựng. Lúc này anh mới biết phần đất còn lại của gia đình anh đã được UBND xã PN và UBND huyện PN đã cấp cho hộ anh O và hộ anh D từ nhiều năm trước mà gia đình anh không được biết. Sau khi biết sự việc trên mẹ anh đã viết đơn kiến nghị đến UBND xã PN. Sau nhiều lần làm việc giữa gia đình anh và UBND xã PN, UBND xã PN không đưa ra được văn bản nào liên quan đến thu hồi đất của gia đình anh. Gia đình anh đã nhiều lần làm đơn lên UBND xã PN và UBND huyện PN nhưng đến nay vẫn chưa được giải quyết.

Nay anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh P hủy quyết định cấp giấy CNQSD đất và giấy CNQSD đất mà UBND huyện PN đã cấp cho hộ anh D và hộ anh O để trả lại phần đất cho gia đình anh.

Tại Bản án số 02/2020/HC-ST ngày 07-8-2020, Tòa án nhân dân tỉnh P đã căn cứ điểm a khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Điều 138 Luật đất đai 2003; Điều 203 Luật đất đai 2013; quyết định: bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N và bà Kiều Thị G về việc đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 524051 cấp cho hộ anh Nguyễn Văn O, Nguyễn Thị M và số BI 524052, thửa 186, bản đồ 47 cấp cho anh Lê Tiến D, chị Nguyễn Thị H (đều được cấp vào ngày 30/12/2011), tại khu 9, xã PN, huyện PN, tỉnh P.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19-8-2020, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là chị Lã Thị Huyền T1 có đơn kháng cáo đề nghị xem xét

chấp nhận đơn khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị chấp nhận kháng cáo hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho các hộ anh O, chị M và anh D, chị H.

Đại diện người bị kiện đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Đại diện UBND xã PN xác nhận ngoài khoản 18.000.000 đồng bồi thường tiền đất, thì UBND xã chưa chi trả các khoản hỗ trợ khác cho gia đình ông Nhận.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: về thủ tục tố tụng khi thụ lý vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đến thời hiệu khởi kiện theo quy định; về nội dung: khi thu hồi đất, UBND xã không chi trả cho gia đình bà PH tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề, tiền bồi thường về hoa màu theo quy định là không đúng; đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thời hiệu khởi kiện

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn N và bà Kiều Thị G đã ủy quyền cho anh Nguyễn Mạnh U (là con trai) làm đơn khiếu nại việc UBND huyện PN thu hồi đất của gia đình; sau đó cấp một phần diện tích đất này cho người khác vào năm 2011. Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, ngày 17-4-2018, Chủ tịch UBND huyện PN đã có Công văn số 432/UBND-TNMT trả lời đơn khiếu nại của anh U, trong đó có nội dung việc anh U đề nghị thu hồi toàn bộ phần diện tích đã giao cho các hộ khác là không thể thực hiện được. Sau khi có kết quả giải quyết khiếu nại, tại Đơn khởi kiện vụ án đề ngày 18-9-2019, ông N, bà G đề nghị hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho các hộ anh Nguyễn Văn O và Lê Tiến D liên quan đến thửa đất bị thu hồi là đã hết thời hiệu khởi kiện. Trong trường hợp này, thời điểm ông N, bà G được thông báo kết quả giải quyết khiếu nại nêu trên là căn cứ quan trọng liên quan đến việc xác định thời hiệu khởi kiện vụ án của đương sự nhưng chưa được xác minh, làm rõ theo quy định.

[2]. Về nội dung: ngày 16-6-2011, UBND huyện PN đã ban hành Quyết định số 1344/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất của các hộ gia đình để thực hiện việc quy hoạch giao đất làm nhà ở tự xây cho các hộ dân tại xã PN, trong đó thu hồi của hộ bà Kiều Thị PH (khu 13, xã PN) 808,5 m² đất trồng cây hàng năm tại khu vực NK. Theo Quyết định số 1345/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình, thì hộ bà G được bồi thường 48.627.233 đồng, bao gồm: bồi thường về đất là 18.409.545

đồng, bồi thường hoa màu là 2.603.370 đồng và hỗ trợ chuyển đổi nghề là 27.614.318 đồng.

Căn cứ phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt, UBND xã PN đã chi trả tiền bồi thường về đất cho bà G số tiền là 18.409.545 đồng. Số tiền này bà G đã ký nhận trong danh sách chi trả tiền. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà G thừa nhận có ký nhận tiền bồi thường đất nhưng cho rằng thực tế chỉ được nhận 9.000.000 đồng. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án việc bà G khai chỉ được nhận 9.000.000 đồng là không có căn cứ.

Với các lý do trên, việc bà G, ông N cho rằng năm 2011, UBND huyện PN thu hồi đất của gia đình (tại thôn NK) để giao đất cho người khác làm nhà ở nhưng gia đình không được biết là không có căn cứ. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện việc bồi thường, UBND xã PN chỉ trả tiền bồi thường về đất, không chi trả các khoản bồi thường hoa màu, hỗ trợ chuyển đổi nghề cho gia đình bà G trong khi không có sự thỏa thuận của đương sự về việc không nhận khoản tiền này là không đúng quy định. Các vấn đề nêu trên liên quan đến quy định về điều kiện, chính sách khi thu hồi đất. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác yêu cầu của bà G, ông N về việc thu hồi, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người khác liên quan đến thửa đất bị thu hồi nhưng không xem xét, giải quyết việc bồi thường các khoản chi phí gia đình bà G được nhận khi thu hồi đất theo quy định là không đúng pháp luật, không bảo đảm quyền lợi hợp pháp của đương sự.

Các nội dung nêu trên Tòa án cấp phúc thẩm không thể bổ sung tại phiên tòa nên có căn cứ hủy bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại theo quy định.

[3]. Về án phí: người khởi kiện không phải nộp án phí phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Hủy Bản án số 02/2020/HC-ST ngày 07-8-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh P và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

2. Trả lại chị Lã Thị Huyền T1 là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp ngày 03-11-2020 (do ông Nguyễn Xuân V nộp thay) tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh P.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh P (kèm hồ sơ vụ án);
- VKSND tỉnh P;
- Cục THA dân sự tỉnh P;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tất Nam